

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. THÔNG TIN CHUNG (*General information*):

- Tên học phần (*tiếng Việt*) : Quản trị du lịch MICE
- Tên học phần (*tiếng Anh*) : MICE Tourism Management
- Mã học phần : HM2011
- Trình độ : Đại học
- Loại học phần ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- Thuộc thành phần ☐ Kiến thức giáo dục đại cương
☐ Kiến thức cơ sở khối ngành
☐ Kiến thức cơ sở ngành
☐ Kiến thức ngành / chuyên ngành
☐ Kiến thức cuối khoá
- Khoa, Bộ môn phụ trách : Du lịch
- Số tín chỉ : 3 (3, 0)
- Phân bổ thời gian : Lý thuyết: 45 giờ; Tự học, thảo luận nhóm: 105 giờ
- Học phần tiên quyết : Không có
- Học phần học trước : Quản trị học, Marketing du lịch.
- Học phần song hành : Không có

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN (*Course description*):

Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, nhằm cung cấp cho sinh viên kiến thức về quản trị du lịch MICE như cách nhận biết, tổ chức, quản lý và thực hiện loại hình du lịch kết hợp hội họp, khuyến thưởng, hội nghị, hội thảo, triển lãm hay sự kiện. Nội dung bao gồm những hoạt động của loại hình du lịch này, những yêu cầu của người làm du lịch MICE và vai trò của MICE đối với hoạt động và quy trình tổ chức

du lịch MICE, tổ chức sự kiện ở Việt Nam và thế giới. Từ đó giúp sinh viên tiếp cận và phục vụ đối tượng khách du lịch MICE ở góc độ người hoạt động trong lĩnh vực khách sạn cũng như cách thức tổ chức chương trình du lịch MICE trong các loại hình lưu trú một cách sáng tạo, đáp ứng nhu cầu của tổ chức, doanh nghiệp trong xu hướng phát triển của xã hội hiện nay. Học phần được đánh giá qua đề án quản trị sự kiện MICE theo nhóm.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN (Course objectives):

Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có:

Ký hiệu (Ox)	Mục tiêu học phần
Kiến thức	
O1	Nhận diện được loại hình du lịch MICE trong sự phát triển du lịch hiện nay
O2	Vận dụng kiến thức về điều kiện phát triển cũng như thị trường tiềm năng của loại hình du lịch MICE
Kỹ năng	
O3	Phối hợp tổ chức, quản lý và thực hiện loại hình du lịch MICE tại tổ chức hay doanh nghiệp
Mức tự chủ và trách nhiệm	
O4	Thái độ nghiêm túc trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, tinh thần trách nhiệm với khách hàng

4. CHUẨN ĐẦU RA CỦA HỌC PHẦN (Course learning outcomes - CLOs)

Ox	CLOx	PLOx
Kiến thức		
O1	CLO1: Chỉ ra các thành phần liên quan đến du lịch MICE	PLO2
	CLO2: Xác định tính đặc thù của loại hình du lịch MICE	PLO2, PLO3, PLO4
O2	CLO3: Phân tích được vai trò của MICE đối với hoạt động kinh doanh du lịch	PLO3, PLO4
	CLO4: Phân tích thị trường, tổ chức bán sản phẩm du lịch MICE cho tổ chức hay doanh nghiệp	PLO3, PLO4

	CLO5: Đánh giá các chính sách trong tiếp thị sản phẩm du lịch MICE	PLO3, PLO4
Kỹ năng		
O3	CLO6: Xây dựng kế hoạch, kịch bản sáng tạo, dự trù tài chính, tổ chức thực hiện, giám sát, quản lý một số sự kiện tiêu biểu như hội họp, hội nghị, hội thảo, chương trình du lịch khuyến thưởng và hội chợ triển lãm gồm chọn thời gian, thiết kế chương trình, thực hiện team building, trang trí một sự kiện, chọn địa điểm, phương tiện, dịch vụ ẩm thực, truyền thông, các tổ chức tài trợ, hợp đồng, trách nhiệm của các bên, các lĩnh vực pháp lý cũng như các vấn đề về rủi ro và dự phòng khi tổ chức sự kiện MICE.	LO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO11, PLO12
Mức tự chủ và trách nhiệm		
O5	CLO7: Hành động có trách nhiệm với các bên có liên quan, tận tụy và đổi mới trong tư duy. Có đạo đức kinh doanh trong du lịch MICE. Ý thức bảo vệ môi trường và đóng góp cho cộng đồng	PLO10

5. NỘI DUNG HỌC PHẦN (Contents of course)

5.1. Lý thuyết:

Số TT	Nội dung (Tên bài giảng)	Số giờ				TỔNG
		Lý thuyết	Thảo luận nhóm	Tự học	Khác (nếu có)	
Bài 1	<i>Giới thiệu đề cương môn học, các qui định và yêu cầu của môn học</i> Tổng quan về du lịch MICE	3	0	7		10
Bài 2	Vai trò của MICE trong ngành du lịch	3	0	7		10
Bài 3	Điểm đến và cơ sở MICE	3	0	7		10

		Số giờ				
Bài 4 Số TT	Các bên liên quan trong ngành MICE Nội dung (Tên bài giảng)	3	0	7		TỔNG
Bài 5	Các loại sự kiện	3	0	7		G 10
Bài 6	Lập kế hoạch MICE	3	0	7		10
Bài 7	Quy trình và quản lý trước sự kiện	6	0	14		20
Bài 8	Quy trình và quản lý trong sự kiện	9	0	21		30
Bài 9	Quy trình và quản lý sau sự kiện	3	0	7		10
Bài 10	Lập ngân sách cho MICE	3	0	7		10
Bài 11	Tiếp thị MICE	3	0	7		10
Bài 12	Đạo đức trong ngành MICE	3	0	7		10
TỔNG		45	0	105		150

6. PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC (*Teaching – Learning methods*):

6.1. Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết giảng, thảo luận, đàm thoại gợi mở.

6.2. Phương pháp học:

- Ghi chú, trả lời câu hỏi gợi mở và tranh luận, thảo luận nhóm, thuyết trình nhóm, bài tập nhóm, đề án nhóm.

7. TÀI LIỆU DẠY - HỌC, THAM KHẢO (*Learning materials*)

7.1. Tài liệu dạy học:

[1] Sơn Hồng Đức (2011). *Đường vào kinh doanh du lịch MICE*, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội

7.2. Tài liệu tự học và tham khảo:

[1] Dr. Chloe Lau, Assistant Professor School of Hotel and Tourism Management, The Hong Kong Polytechnic University and PSHE Section, Curriculum Development Institute (2016). *Meetings, Incentives, Conventions and Exhibitions (MICE)*, PSHE 6-2016

[2] Thailand Convention & Exhibition Bureau (2016). *Introduction to MICE*

tourism: meetings incentives conventions exhibitions, 2nd ed, Thailand Conventions and Exhibition Bureau, Bangkok.

[3] George G. Fenich (2016). *Meetings, Expositions, Events and Conventions: An introduction to the industry*. Pearson

[4] Thu Phương (2021). *Kỹ Năng Tổ Chức Sự Kiện Và Tuyển Chọn, Tham Khảo Các Bài Diễn Văn, Bài Phát Biểu Dành Cho Hội Nghị, Hội Thảo Và Những Ngày Lễ Lớn*, NXB Thế giới.

7.3. Phần mềm, công cụ hỗ trợ bài tập hoặc thực hành

[1] Elearning.hiu.vn.

[2] Classroom.google.com.

[3] Phòng mô hình khách sạn Sulyna tầng 5 tại HIU

[4] Phòng học lý thuyết.

[5] Phương tiện phục vụ giảng dạy:

- a. Máy chiếu & hệ thống âm thanh.
- b. Viết bảng (xoá)
- c. Viết lông (viết trên giấy).

8. PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ (*Testing and assessment methods*)

8.1. Thang điểm đánh giá:

Điểm học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn với một chữ số thập phân (đến 0,1) và xếp loại điểm chữ như sau:

Loại	Thang điểm 10	Điểm chữ	Quy đổi thang điểm 4
Đạt	8,5 – 10	A	4
	7,0 – 8,4	B	3
	5,5 – 6,9	C	2
	4,0 – 5,4	D	1
Không đạt	< 4,0	F	0

8.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá tự học:

Hoạt động	Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Hoàn thành bài tập theo nhóm	Chấm bài tập	Rubric 2	100%

8.3. Phương pháp đánh giá học phần:

Nội dung đánh giá		Hình thức đánh giá	Công cụ đánh giá	Tỷ lệ %
Đánh giá quá trình	Chuyên cần và tham gia hoạt động học tập	Điểm danh, ý thức học tập và tham gia hoạt động học tập	Rubric 1	5%
	Kiểm tra thường xuyên	Kết quả tự học – Bài tập nhóm	Rubric 2	10%
	Thuyết trình nhóm	Thuyết trình nhóm	Rubric 3	25%
Kết thúc học phần	Báo cáo	Đề án nhóm	Rubric 4	60%

9. MA TRẬN (Matrix):

Ma trận tương thích chuẩn đầu ra của học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)											
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
CLO1		P										
CLO2		P	P	P								
CLO3			P	P								
CLO4			P	P								
CLO5			P	P								
CLO6			P	P	P	P	P	P	P		P	P
CLO7										H		

Ghi chú: các ký tự trong các ô thể hiện

P: Đóng góp một phần cho chuẩn đầu ra

Partial supported

S: Đóng góp cho chuẩn đầu ra

Supported

H: Đóng góp quan trọng cho chuẩn đầu ra

Highly supported

Đề trống ô, nếu học phần không có đóng góp cho chuẩn đầu ra tương ứng

10. RUBRIC / THANG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ (Scoring guide/Rubric):

Rubric 1: Điểm danh, đánh giá điểm chuyên cần và tham gia hoạt động học tập

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần đến lớp	Không đi học (<30%)	Đi học không chuyên cần (<50%)	Đi học khá chuyên cần (<70%)	Đi học chuyên cần (<90%)	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%)	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp.	Hiếm khi tham gia phát biểu đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan tới bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	50%

Rubric 2: Đánh giá kết quả tự học – Bài tập nhóm (kiểm tra thường xuyên).

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài	Không nộp bài	Nộp bài tập 70%	Nộp bài tập đầy đủ	Nộp bài tập đầy đủ	Nộp bài tập đầy đủ	20%

tập	tập	số lượng bài tập được giao. Chưa đúng thời gian quy định.	(100% số lượng bài tập được giao). Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định.	(100% số lượng bài tập được giao). Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định.	(100% số lượng bài tập được giao). Đúng thời gian quy định.	
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	20%

Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót trong tính toán.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán đúng, rõ ràng.	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	40%
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác với nhóm.	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

Rubric 3: Đánh giá thuyết trình nhóm

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.6-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nội dung	Không có nội	Nội dung phù hợp	Nội dung phù hợp	Nội dung phù hợp	Nội dung phù hợp với	40%

báo cáo	dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	với yêu cầu, hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video.	yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú. Có sử dụng video và giải thích cụ thể hiểu biết trên video.	
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định.	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ.	20%
Thuyết trình	Trình bày	Bài trình bày đầy	Phần trình bày	Phần trình bày	Phần trình bày ngắn	20%

	không logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ.	đủ, giọng nói nhỏ, phát âm một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	có bố cục 3 phần rõ ràng. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe. Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu, bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày.	gọn, bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát, thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Thời gian trình bày đúng quy định.	
Phối hợp nhóm	Không bao giờ phối hợp, hợp tác	Hiếm khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thỉnh	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Thường	Hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và	20%

	với nhóm.		thoảng tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	xuyên tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	
--	--------------	--	---	--	--	--

Rubric 4: Thang điểm chấm bài thi đề án nhóm cuối kỳ

Thang điểm chấm bài thi đề án nhóm (theo thang điểm 10) được thiết kế theo mẫu

11. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ CỦA GIẢNG VIÊN VÀ TRỢ GIẢNG (Student support)

- *Giảng viên sẽ giải đáp tất cả các thắc mắc của học viên liên quan đến môn học qua nhóm online.*
- *Sinh viên có thể gửi email qua địa chỉ lienltk@hiu.vn hoặc gặp trực tiếp giảng viên vào các ngày trong tuần tại Văn phòng khoa Kinh tế – Quản trị.*

Tp.HCM, ngày tháng năm 202

Trưởng Khoa

P. Trưởng Bộ môn

Người biên soạn